TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi;

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận): Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận): Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày yêu cầu như sau:

Ông Nguyễn Văn P và bà Huỳnh Thị Ngọc T trước đây là bạn bè. Vì có mối quan hệ quen biết đã lâu, bà T đang gặp khó khăn về tiền bạc, ông P có cho bà T mượn số tiền 20 triệu đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bà T, không thỏa thuận lãi suất chỉ thỏa thuận hết tháng 12/2024 âm lịch thì trả lại tiền cho ông P. Sau khi chuyển khoản cho bà T mượn tiền, bà T có viết cho ông P một giấy tay xác nhận mượn số tiền 20 triệu đồng. Một thời gian ngắn sau, bà T có trả trước

cho ông P số tiền 10 triệu đồng và hứa hẹn gần tết năm 2025 sẽ trả số tiền còn lại cho ông P nhưng trong thời gian qua, ông P nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền bà T không trả mà còn thách thức ông P. Nay ông P yêu cầu trả số tiền vay còn lại là 10 triệu đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Ông P nộp cho Tòa án 01 giấy gốc giấy cho mượn tiền có nội dung *"Tôi Nguyễn Văn P, SN 1981 KP Lạc Hóa 2, TT L, Tánh L, BT. Có cho Huỳnh Thị Ngọc T SN 1982 mượn 20.000.000đ đến hết tháng 12/2024 AL gửi lại. Huỳnh Thị Ngọc T, KP L, TT L, Tánh L, BT Bên cho mượn P, Nguyễn Văn P, Bên mượn T, Huỳnh Thị Ngọc T".*

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc T: Bà T có hộ khẩu thường trú thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập là khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận).

Quá trình làm việc, Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt văn bản theo quy định của tố tụng nhưng bà T không chấp hành lên Tòa án làm việc để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ Tòa án đã trực tiếp gặp bà Huỳnh Thị Ngọc T làm việc và trao đổi thông tin về yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T có trình bày là xác nhận có mượn của ông P số tiền 20 triệu đồng bằng hình thức ông P chuyển khoản cho bà T, không thỏa thuận lãi suất và hẹn tháng 12/2024 âm lịch sẽ trả toàn bộ số tiền 20 triệu đồng. Sau đó bà T có viết giấy xác nhận nợ cho ông P. Khoảng 02 – 03 ngày sau, bà T trả trước cho ông P số tiền 10 triệu đồng và hẹn ra tết năm 2025 sẽ trả dần số tiền còn lại nhưng vì vào thời điểm dịp tết đang khó khăn về kinh tế; bà T có yêu cầu trả trước cho ông P 5 triệu đồng, còn 5 triệu đồng nhưng ông P không đồng ý mà yêu cầu bà T trả đủ 10 triệu đồng. Số tiền nợ còn lại không lớn nhưng vì bà T bức xúc ông P có hành vi xúc phạm, hăm dọa bà T. Sau khi trình bày các ý kiến nêu trên bà T không ký vào biên bản lấy lời khai vì bà T cho rằng mình bị ông P đe dọa, làm mất danh dự, bà T yêu cầu giải quyết vụ việc của bà T mới giải quyết vụ việc theo đơn khởi kiện của ông P.

Bà Huỳnh Thị Ngọc T không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau: Ông P yêu cầu trả số tiền vay còn nợ còn lại là 10 triệu đồng, bà T xác nhận là còn nợ số tiền trên.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P: Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ vay được thể hiện bằng giấy gốc giấy mượn tiền có chữ ký của bị đơn. Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn P:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn P yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T phải trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng; ngoài ra không yêu cầu nào khác. Căn cứ khởi kiện là "Giấy cho mượn tiền" có nội dung *"Tôi*

Nguyễn Văn P, SN 1981 KP Lạc Hóa 2, TT L, Tánh L, BT. Có cho Huỳnh Thị Ngọc T SN 1982 mượn 20.000.000đ đến hết tháng 12/2024 AL gửi lại. Huỳnh Thị Ngọc T, KP L, TT L, Tánh L, BT Bên cho mượn P, Nguyễn Văn P, Bên mượn T, Huỳnh Thị Ngọc T".

Trong quá trình tố tụng, bị đơn – bà Huỳnh Thị Ngọc T mặc dù không ký tên vào biên bản lấy lời khai của mình nhưng có trình bày ý kiến thừa nhận việc mượn của ông P 20.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 10.000.000 đồng; đồng thời chấp nhận trả số tiền nợ còn lại 10.000.000 đồng cho ông P. Sau khi được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng, bà T cũng không có văn bản hay trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp. Do đó có đủ căn cứ xác định bà Huỳnh Thị Ngọc T có mượn tiền của ông Nguyễn Văn P và hiện còn nợ lại ông P số tiền là 10 triệu đồng. Theo nội dung trong giấy mượn tiền ông P cung cấp thể hiện "…. *đến hết tháng 12/2024 AL gửi lại.."* nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả hết nợ cho ông P nên bà T đã vi phạm thời hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P đối với bà Huỳnh Thị Ngọc T trả số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự.

Đối với tiền lãi: Ông P không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

- Các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P về việc buộc bà Huỳnh Thị Ngọc T phải trả tiền nợ vay.

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc T phải nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách nhà nước.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001688 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mận